TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-ST
Ngày: 24 – 8 - 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hồng.

Ông Đàm Thanh Vũ.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2018/TLST-DS, ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-DS ngày 26/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1990 *(Có mặt).*

Địa chỉ: Ấp V, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1/ Bà Từ Thị C, sinh năm 1985 (Có mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1974 *(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã Vĩnh Q, thị xã N, Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Từ Văn C, sinh năm 1978 *(Vắng mặt).*

2/ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1984 *(Vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã Vĩnh Q, thị xã N, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Tr trình bày như sau: Vào ngày 07/8/2016 âm lịch bà có cho bà Từ Thị C vay số tiền 130.000.000 đồng lãi suất 3%/tháng, thỏa thuận khi nào bà cần thì bà C trả tiền lại. Từ ngày 07/8/2016 âm lịch đến ngày 07/11/2016 âm lịch bà C có đóng lãi cho bà được 03 tháng mỗi tháng là 3.900.000 đồng. Tổng cộng 03 tháng số tiền là 11.700.000 đồng, cho đến ngày 07/12/2016 bà C ngưng đóng lãi và cũng không trả vốn, bà có đòi nhiều lần nhưng bà C không trả tiền cho bà.

Tại phiên tòa, bà Tr rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Nguyễn Văn S cùng trả nợ với bà C. Bà Tr yêu cầu bà Từ Thị C trả số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm, ba mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 08/11/2016 âm lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền lãi bà C trả cho bà nếu tính theo mức lãi suất của ngân hàng Nhà nước mà còn dư thì bà đồng ý cấn trừ vào tiến tiền vốn.

- Bị đơn bà Từ Thị C trình bày như sau: Vào tháng 5 năm 2015 âm lịch bà Tr có cho bà hỏi tiền vay với số tiền 130.000.000 đồng bạc 5, một triệu 5 ngàn/1 ngày. 10 ngày góp 01 lần là 6.500.000 đồng mỗi tháng bà phải trả cho bà Tr số tiền lãi 19.500.000 đồng và bà đóng từ khi vay đến tháng 12/2016 âm lịch thì ngưng đóng. Do bà bị bể nợ không còn khả năng thanh toán nữa, bà có thỏa thuận với bà Tr là trả dần vì cũng thiếu nhiều người không riêng mình bà Tr nhưng bà Tr không đồng ý. Bà vay tiền với mục đích chi xài cá nhân không liên quan gì đến ông S chồng bà, ông S cũng không biết bà vay tiền. Bà Tr có thuê giang hồ đánh bà 03 lần nhưng không biết cụ thể những người đó, bà thiếu tiền thì bà sẽ trả nhưng bà Tr thuê giang hồ đánh bà là vi phạm pháp luật. Nay bà đồng ý trả cho bà Tr mỗi tháng 400.000đồng cho đến khi hết số tiền trên, khi nào bà có nhiều thì trả nhiều, bà không yêu cầu tính lãi suất vì hoàn cảnh quá khó khăn nên không có khả năng đóng lãi.

- Theo tờ tường trình và biên bản lấy khai ngày 14/6/2018 ông Nguyễn Văn S trình bày như sau: Việc vợ ông là bà Từ Thị C chơi hụi và vay tiền người ta như thế nào thì ông không biết, tới khi bể nợ thì người ta đến nhà đòi ông mới biết, ông đi dạy học suốt ngày nên việc vợ ông lấy tiền vay dùng vào mục đích gì ông cũng không hay biết. Do vợ ông vay tiền mà không cho ông biết và tự xài riêng nên ông không đồng ý trả. Nếu trong hợp đồng vay tiền của bà Tr có chữ ký của ông thì ông đồng ý trả còn không có thì ông không đồng ý trả. Ông yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt ông vì ông bận nhiều công việc dạy thêm không có thời gian đến tham gia phiên tòa.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa

vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Từ Thị C đã thừa nhận có vay bà Tr số tiền 130.000.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tr buộc bà Từ Thị C phải trả cho bà Tr số tiền vốn 130.000.000đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam với mức lãi suất là 1,125%/tháng, tính từ ngày 08/11/2016 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm vì các bên thỏa thuận lãi vay vượt quá quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Tr thừa nhận bà C có trả lãi cho bà 03 tháng số tiền 11.700.000đồng nên cần cấn trừ số tiền lãi còn dư vào tiền vốn cho bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Văn C, bà Phạm Thị H vắng mặt, tuy nhiên ông S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông C, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông S, ông C, bà H. Tại phiên tòa, bà Tr trình bày bà rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả nợ mà chỉ yêu cầu bà Từ Thị C trả số tiền 130.000.000đồng cho bà. Xét thấy, việc bà Tr rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của bà Tr.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trương Thị Tr khởi kiện yêu cầu bà Từ Thị C trả cho bà số tiền vay là 130.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 08/11/2016 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Tr cung cấp cho Tòa án tờ "Biên nhận tiền ngày 07/8/2016 âm lịch" có chữ ký của bà Từ Thị C. Tại phiên tòa, bà C cũng thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận là của bà, số tiền này bà đã ký nhận thì bà đồng ý trả nhưng hiện nay bà đang gặp khó khăn nên bà yêu cầu mỗi tháng trả dần cho bà Tr 400.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bà Tr không đồng ý cho bà C trả dần mà yêu cầu bà C trả một lần, do đó yêu cầu trả dần của bà C không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, việc thỏa thuận trả dần các bên có thể thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án. Theo bà Tr trình bày bà cho vay lãi suất 3%/tháng, từ khi vay thì bà C trả cho bà 03 tháng lãi tính đến ngày 07/11/2016 âm lịch được số tiền 11.700.000đồng thì ngưng không đóng lãi nữa. Bà C thì cho rằng

bà Tr cho vay trả góp mỗi ngày 5.000đồng/1.000.000đồng, bà vay số tiền 130.000.000đồng mỗi ngày bà phải đóng 650.000đồng, một tháng là 19.500.000đồng tương đương lãi suất 15%/tháng, bà đóng lãi được gần một năm đến tháng 12/2016 âm lịch thì ngưng, việc đóng lãi không có làm biên nhận, không ai biết chỉ có bà và bà Tr biết, tuy nhiên tại phiên tòa bà Tr không thừa nhận việc đóng lãi như lời bà C trình bày, bà C cũng không cung cấp được các chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của bà C là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Tr với bà C là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 388, 389 Bộ luật Dân sự 2005, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 401, 402, 471 của Bộ luật Dân sự 2005 và hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật Dân sự 2005 nhưng bà C vi phạm nghĩa vụ trả tiền và trả lãi cho bà Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự, nên bà yêu cầu bà C trả số tiền vay còn thiếu 130.000.000đồng và tiền lãi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao dịch giữa bà Tr và bà C là hợp đồng vay có lãi tuy nhiên mức lãi suất vay các bên thỏa thuận vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên HĐXX cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất các bên cho vay được chấp nhận là (150% x 9%/năm)/12 = 1,125%/tháng.

[4] Tiền lãi trong 03 tháng từ ngày 07/8/2016 âm lịch (Nhằm ngày 7/9/2016 dương lịch) đến ngày 7/11/2016 âm lịch (Nhằm ngày 5/12/2016 dương lịch) bà C đóng cho bà Tr số tiền 11.700.000đồng là vượt quá quy định nêu trên. Số tiền lãi trong thời gian này là 130.000.000đ x 1,125% x 03 = 4.387.500đ. Số tiền lãi bà C đóng dư là 11.700.000đ – 4.387.500đ = 7.312.500đ. Số tiền lãi còn dư phải được cấn trừ vào số tiền vốn cho bà C. Như vậy từ ngày 05/12/2016 dương lịch bà C chỉ còn nợ bà Tr số tiền vốn là 130.000.000đ – 7.312.500đ = 122.687.500đ. Tiền lãi từ ngày 06/12/2016 dương lịch (Nhằm ngày 08/11/2016 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2018 là 20 tháng 18 ngày x 122.687.500đ x 1,125% = 28.340.813đ. Như vậy, tổng tiền vốn và lãi mà bà C phải trả cho bà Tr là 122.687.500đ + 28.432.828đ = 151.120.328đ (*Một trăm năm mươi mốt triệu, một trăm hai chục ngàn, ba trăm hai mươi tám đồng*).

[5] Ý kiến của đại viện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Từ Thị C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 388; Điều 389; Điều 401; Điều 402; Điều 405; Điều 471; khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tr về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả tiền vay và tiền lãi theo hợp đồng vay ký kết ngày 07/8/2016 âm lịch.

2/ Buộc bà Từ Thị C có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Tr số tiền vốn vay 122.687.500đồng và tiền lãi 28.432.828đ. Tổng cộng vốn lãi số tiền 151.120.328đ (*Một trăm năm mươi mốt triệu, một trăm hai chục ngàn, ba trăm hai mươi tám đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trương Thị Tr có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Từ Thị C còn phải trả lãi cho bà Tr theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Từ Thị C phải chịu số tiền 7.556.000đồng (*Bảy triệu, năm trăm, năm mươi sáu ngàn*).

Bà Trương Thị Tr không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000đồng (*Ba triệu, hai trăm, năm chục ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001428, ngày 30/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Nơi nhận*:
-VKSND thị xã Ngã Năm;
-T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
-TAND tỉnh ST;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Anh Tuấn